



THÙNG XE TẢI ĐÔNG LẠNH

REFRIGERATED TRUCK BODY

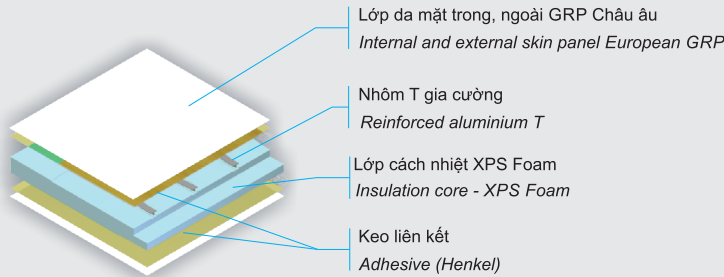
HINO XZU730L-WKFTS3

THÔNG SỐ KỸ THUẬT / SPECIFICATIONS

THÔNG TIN CHUNG / GENERAL		ĐVT / UNIT	XZU730L	XZU730L	XZU730L
Loại xe / Vehicle type			Ô tô tải đông lạnh Refrigerated Truck	Ô tô tải đông lạnh Refrigerated Truck	Ô tô tải đông lạnh Refrigerated Truck
Nhãn hiệu / Mark, model code			HINO XZU730L-WKFTS3 -QA.DLF2S (F1S)	HINO XZU730L-WKFTS3 -QA.DL1	HINO XZU730L-WKFTS3 -QA.DL2
Công thức bánh xe / Wheel formular			4 x 2	4 x 2	4 x 2
Thông số về kích thước / Dimensions					
Kích thước tổng thể (D x R x C) Overall (L x W x H)	mm		7580 x 2170 x 3280	7580 x 2170 x 3280	7580 x 2170 x 3280
Kích thước bao thùng hàng (D x R x C) Body's external dimension (L x W x H)	mm		5800 x 2150 x 2300	5800 x 2150 x 2300	5800 x 2150 x 2300
Kích thước trong thùng hàng (D x R x C) Body's internal dimension (L x W x H)	mm		5620 x 2010 x 2120	5620 x 2010 x 2120	5620 x 2010 x 2120
Chiều dài cơ sở / Wheel base	mm		4200	4200	4200
Vết bánh xe (Trước / Sau) Wheel track (Front/ Rear)	mm		1655 / 1590	1655 / 1590	1655 / 1590
Chiều dài đầu xe / đuôi xe Overhang (Front/ Rear)	mm		1115 / 2265	1115 / 2265	1115 / 2265
Chiều rộng cabin / Cabin width	mm		1995	1995	1995
Thông số về khối lượng / Weight					
Khối lượng bản thân / Curb weight	Kg		3755 (3805)	3755	3755
Khối lượng chuyên chở theo thiết kế Payload	Kg		4550 (4500)	4550	4550
Khối lượng toàn bộ theo thiết kế Max gross vehicle weight	Kg		8500	8500	8500
Số người cho phép chở kể cả lái xe Seating capacity including driver			3	3	3
Bánh xe và lốp / Wheels and tyres					
+ Trục 1 (Bánh đơn) +First axle (quantity:2)			7.50-16	7.50-16	7.50-16
+ Trục 2 (Bánh kép) +Second axle (quantity:4)			7.50-16	7.50-16	7.50-16
Thiết bị điện / Electric equipment					
Áp định mức: 24V Out put: 24V			Ắc quy / Batteries: 12V - 60Ah - 2 bình	Ắc quy / Batteries: 12V - 60Ah - 2 bình	Ắc quy / Batteries: 12V - 60Ah - 2 bình
Máy phát Alternator			24V - 60A	24V - 60A	24V - 60A
Thiết bị chuyên dùng / Special equipment					
Hệ thống lạnh Refrigerated Unit			THERMAL-3500 (-18oC, 3700W)	THERMAL-3700 (ATP) (-20oC, 3268W)	CITIMAX 700+ (-20oC, 3420W)
Trang bị khác Other equipment			-	-	-

Lưu ý / Note: Các thông số kỹ thuật trên có thể thay đổi mà không cần báo trước / Product specifications can be changed at any time without previous notice.

CẤU TẠO CÁC LỚP PANEL / STRUCTURE OF SANDWICH PANEL



Độ Dày / Thickness Panel (mm)	Sàn phẳng / Flat floor 2.5T ~ 6.0T	Sàn sóng / corrugated 2.5T ~ 6.0T
Panel sàn Floor panel	95	105
Panel vách trước Front panel	63	63
Panel vách hông Two side wall panels	63	63
Panel nóc Roof panel	78	78
Panel cửa sau Rear door panels	63	63

CÔNG TY TNHH SX-TM-DV ÔTÔ QUYỀN

* Nhà máy Tây Ninh: Số 550, ấp 4, xã Luông Hòa, tỉnh Tây Ninh
* CN Cam Ranh: Thôn Cây Xoài, xã Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa
* Tel: (0272) 3769 020 - (0272) 3769 022
* Fax: (0272) 3769 023
* Phòng kinh doanh:
Hotline: 090.810.9929 - 090.393.0444
Email: kd01@quyenauto.com
* Tư vấn kỹ thuật:
Hotline: 090.800.9030 - 093.890.9317
Email: technical@quyenauto.com

